

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2026 đến 30/06/2026

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XNK THANH LỄ - CTCP

Đã được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ	6 – 7
<i>Báo cáo tài chính riêng đã soát xét</i>	
3. Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	8 – 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	12 – 13
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	14 – 67

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP (sau đây viết tắt là "**Tổng Công ty**") trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 của Tổng Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP nguyên là Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được cổ phần hóa theo Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần**, mã số 3700146458, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 03 tháng 12 năm 2025.

Vốn điều lệ : 2.366.000.000.000 Đồng

Vốn pháp định : 6.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có:

*** Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-274) 382 9535 – 382 9608
- Fax : (84-274) 382 4112 – 382 9533
- Website : www.thalexim.vn
- E-mail : contact@thalexim.vn
- Mã số DN : 3 7 0 0 1 4 6 4 5 8

- * **Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

- | | | | |
|----|-----|---------------------|---------------------------------|
| 1. | Ông | Đoàn Minh Quang | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Bà | Phạm Thị Băng Trang | Thành viên HĐQT |
| 3. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Thành viên HĐQT |
| 4. | Ông | Lê Trọng Hiếu | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 5. | Ông | Nguyễn Tiến Dũng | Thành viên HĐQT không điều hành |

Ban Kiểm soát (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

- | | | | |
|----|-----|---------------------|------------|
| 1. | Bà | Nguyễn Thị Khánh Hà | Trưởng ban |
| 2. | Bà | Bùi Thị Kim Khoa | Thành viên |
| 3. | Ông | Lê Tuấn Vũ | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | | | |
|----|-----|------------------------|-------------------|
| 1. | Bà | Phạm Thị Băng Trang | Tổng Giám đốc |
| 2. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. | Ông | Đặng Văn Đoàn | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. | Bà | Bùi Kim Nga | Phó Tổng Giám đốc |
| 5. | Ông | Nguyễn Viết Trọng Nhân | Phó Tổng Giám đốc |
| 6. | Ông | Trần Tấn Tới | Phó Tổng Giám đốc |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

1. Ông Đoàn Minh Quang Chủ tịch HĐQT
2. Bà Phạm Thị Băng Trang Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính riêng tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 08 đến trang 67.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 của Tổng Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán cùng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được soát xét cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc – Phạm Thị Băng Trang

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Số: 0307.01-01/2026/BCSX-NTV.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 08 đến trang 67, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ; đồng thời chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm trước khoảng 30,6 tỷ Đồng (đã được nêu tại đoạn Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Báo cáo tài chính năm trước) và số hàng tồn kho nêu trên đã được xuất bán trong kỳ kế toán hiện tại. Do ảnh hưởng của vấn đề này, các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là Giá vốn hàng bán của kỳ này bị ảnh hưởng tăng và chỉ tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế bị ảnh hưởng giảm tương ứng khoảng 30,6 tỷ Đồng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét, ngoại trừ vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Phó Giám đốc – Huỳnh Hữu Phước

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số : 1762-2023-124-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

ĐVT: Đồng

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.103.665.033.825	6.662.167.115.953
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.978.433.266.867	1.737.714.139.612
111	1. Tiền		630.550.386.067	704.209.139.612
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.347.882.880.800	1.033.505.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.704.031.360.909	2.280.381.110.160
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	1.564.504.306.095	2.056.126.586.415
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	10.238.638.648	10.915.276.753
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	134.937.116.544	218.987.947.370
136	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(5.648.700.378)	(5.648.700.378)
140	IV. Hàng tồn kho		2.301.646.019.288	2.624.259.735.912
141	1. Hàng tồn kho	V.6	2.301.646.019.288	2.624.259.735.912
150	V. Tài sản sinh học ngắn hạn		-	-
160	VI. Tài sản ngắn hạn khác		119.554.386.761	19.812.130.269
161	1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	V.7	10.671.847.582	6.241.252.745
162	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		102.023.848.469	176.566.149
163	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.8	6.858.690.710	13.394.311.375
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.367.239.773.294	2.331.641.006.142
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		21.020.000.000	20.000.000.000
215	1. Phải thu dài hạn khác	V.9	21.020.000.000	20.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		739.568.974.350	759.088.616.519
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	553.403.320.043	569.416.222.130
222	- Nguyên giá		1.597.755.985.100	1.579.854.155.238
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.044.352.665.057)	(1.010.437.933.108)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	186.165.654.307	189.672.394.389
228	- Nguyên giá		297.390.657.399	297.320.315.399
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(111.225.003.092)	(107.647.921.010)

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
230	III. Tài sản sinh học dài hạn		-	-
240	IV. Bất động sản đầu tư	V.12	290.658.761.278	291.798.594.250
241	- Nguyên giá		337.862.578.075	337.862.578.075
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(47.203.816.797)	(46.063.983.825)
250	V. Tài sản dở dang dài hạn		399.643.648.954	344.591.807.081
251	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.13	65.381.722.770	47.131.030.447
252	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.14	334.261.926.184	297.460.776.634
260	VI. Đầu tư tài chính dài hạn		910.625.707.872	910.625.707.872
261	1. Đầu tư vào công ty con	V.15	616.229.963.381	616.229.963.381
262	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.16	294.395.744.491	294.395.744.491
270	VII. Tài sản dài hạn khác		5.722.680.840	5.536.280.420
271	1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	V.17	5.722.680.840	5.536.280.420
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.470.904.807.119	8.993.808.122.095

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.028.853.956.257	6.605.519.362.725
310	I. Nợ ngắn hạn		5.741.428.514.544	6.319.926.224.655
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.18	826.232.243.255	469.558.363.829
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.19	47.339.991.972	43.226.436.155
313	3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	V.20	146.097.935	151.363.120
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	V.21	4.986.047.790	268.199.007.226
315	5. Phải trả người lao động		5.914.282.754	5.947.465.445
316	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.22	175.662.175	8.513.698.137
320	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.23	9.277.821.870	8.411.082.275
321	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.24	4.449.772.751.950	5.119.326.002.538
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.25	4.942.177.313	4.952.177.313
324	10. Quỹ bình ổn giá	V.26	392.641.437.530	391.640.628.617
330	II. Nợ dài hạn		287.425.441.713	285.593.138.070
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.27	22.024.200.000	22.024.200.000
337	2. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	V.28	226.593.256.406	219.352.501.016
338	3. Phải trả dài hạn khác	V.29	19.310.342.307	20.411.654.054
339	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.30	19.497.643.000	23.804.783.000
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.31	2.442.050.850.862	2.388.288.759.370
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.31.1	2.366.000.000.000	2.366.000.000.000
415	2. Cổ phiếu mua lại của chính mình	V.31.2	(243.800.000)	(243.800.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	V.31.3	34.930.566.439	34.930.566.439
420	4. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.31.4	41.364.084.423	(12.398.007.069)
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(12.398.007.069)	(105.479.443.111)
420b	- LNST chưa phân phối kỳ này		53.762.091.492	93.081.436.042
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.470.904.807.119	8.993.808.122.095

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Phê duyệt báo cáo tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Ngọc Đan Thảo



Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao



Phạm Thị Băng Trang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

DVT: Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.389.493.560.692	10.138.971.526.735
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.32	14.389.493.560.692	10.138.971.526.735
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.33	13.950.727.864.077	9.789.335.994.486
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		438.765.696.615	349.635.532.249
21	6. Lãi / lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
22	7. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.34	28.509.035.231	25.527.785.943
23	8. Chi phí tài chính	VI.35	167.604.257.750	144.468.258.718
24	Trong đó: Chi phí đi vay		152.938.296.967	108.908.187.551
25	9. Chi phí bán hàng	VI.36	193.522.018.511	144.593.777.052
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.37	40.983.292.756	74.229.383.134
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		65.165.162.829	11.871.899.288
31	12. Thu nhập khác	VI.38	3.080.641.088	1.933.988.580
32	13. Chi phí khác	VI.39	1.043.189.552	3.412.720.285
40	14. Lợi nhuận khác		2.037.451.536	(1.478.731.705)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		67.202.614.365	10.393.167.583
51	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.40	13.440.522.873	-
52	17. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	VI.41	53.762.091.492	10.393.167.583

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Phê duyệt báo cáo tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Trần Ngọc Đan Thảo

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

Báo cáo tài chính này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

(Theo phương pháp trực tiếp)

ĐVT: Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		15.349.307.588.768	12.171.272.391.073
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(13.152.198.454.962)	(10.793.140.179.503)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(55.303.989.383)	(48.561.317.238)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(159.151.519.792)	(112.944.460.982)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.21	(8.593.678.400)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		300.495.342.533	64.731.465.511
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.445.614.508.739)	(1.819.250.666.382)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		828.940.780.025	(537.892.767.521)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(89.409.306.125)	(28.967.543.091)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		127.008.576.734	88.481.202.096
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		42.870.821.060	39.424.829.064
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		80.470.091.669	98.938.488.069

ĐVT: Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.24	12.919.754.319.601	11.366.478.790.764
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(13.588.440.798.855)	(10.656.316.551.813)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.20	(5.265.185)	(9.298.885)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(668.691.744.439)	710.152.940.066
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		240.719.127.255	271.198.660.614
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	1.737.714.139.612	1.263.099.099.951
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	1.978.433.266.867	1.534.297.760.565

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Phê duyệt báo cáo tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Huyền Phương



Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao



Phạm Thị Băng Trang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, sau đây viết tắt là “Tổng Công ty”.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được trình bày không bao gồm hợp nhất tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Tổng Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau: Kinh doanh Xăng dầu; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc của Tổng Công ty

Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cấu trúc của Tổng Công ty như sau:

- + Trụ sở chính;
- + Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc;
- + Các Công ty con;
- + Các Công ty liên doanh, liên kết.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

- ❖ *Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc được hợp cộng số liệu kế toán vào Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty*

Tên đơn vị kinh doanh	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
1. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM	Số 102, Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP.HCM	Văn phòng giao dịch, cho thuê văn phòng
2. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại TP Long Xuyên – An Giang	Số 493/43, Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang	Kinh doanh xăng dầu
3. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn 1B, Phường Phú Bài, Thành phố Huế	Kinh doanh xăng dầu
4. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Bình Phước	Quốc lộ 14, Xã Nha Bích, Thành phố Đồng Nai	Kinh doanh xăng dầu
5. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Đắk Lắk	Số 463 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh xăng dầu
6. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Thành phố Hải Phòng	Đầm Mắm, Khu Hạ Đoạn 2, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	Kinh doanh xăng dầu
7. Công viên Nước Thanh Lễ	563 Đại lộ Bình Dương, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM	Công viên vui chơi, dịch vụ ăn uống, cho thuê hội trường
8. Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star	Số 37 Hùng Vương, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, cho thuê hội trường
9. Trung tâm Tổ chức Hội nghị và Sự kiện Thanh Lễ	Số 11A Đường 18/9, Xã Phú Giáo, TP.HCM	Dịch vụ cho thuê hội trường
10. Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
11. Tổng kho Xăng dầu VK 102 - Thanh Lễ	Ấp 6, Xã Nhà Bè, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
12. Kho cảng xăng dầu Bình Thắng	Đường ĐT 743A, Khu phố Quyết Thắng, Phường Đông Hòa, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
13. Ban Quản lý KCN Sóng Thần I - Bình Đường	Số 09, Đường số 01, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.HCM	Duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp
14. Nhà máy SX Bê tông An Sơn	Phường Thuận An, TP.HCM	Kinh doanh vật liệu xây dựng
15. Hệ thống 19 cửa hàng bán lẻ xăng dầu	TP HCM và Thành phố Đồng Nai	Kinh doanh xăng dầu

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

❖ **Công ty con và Công ty liên doanh liên kết**

Tên Công ty	Hoạt động chính	Mã số doanh nghiệp	Vốn đầu tư của Tổng Công ty	Tỷ lệ quyền kiểm soát
Công ty con				
1. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương	Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh; Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị	3700144108	43.738.905.964	100%
2. Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nhiên liệu	3702525028	15.000.000.000	100%
3. Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu	3700828316	24.000.000.000	80,00%
4. Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa	3702395178	480.000.000.000	60,00%
5. Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Vận tải xăng dầu; Kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng	3700817346	45.302.676.635	57,97%
6. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng	3700785510	8.188.380.782	56,84%
Công ty liên kết				
7. Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Trồng rừng, trồng cây lâu năm, chăn nuôi... các hoạt động kinh doanh liên quan đến nông lâm nghiệp	3701815415	37.937.734.355	35,02%
8. Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng	3700148529	256.458.010.136	25,00%

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

❖ Số lượng người lao động

Số lượng người lao động tại thời điểm cuối kỳ là 501 người.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”).

Thông tư 99 được áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2026 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính), do đó số liệu kỳ trước sẽ được trình bày lại trên Báo cáo tài chính kỳ này theo các chỉ tiêu tương ứng để có thể so sánh được với số liệu kỳ này.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Tổng Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tổng Công ty ghi nhận các giao dịch kinh tế bằng ngoại tệ trong báo cáo tài chính theo hướng dẫn của Thông tư 99 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán: tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Ngoài tỷ giá giao dịch thực tế nêu trên, Tổng Công ty có thể lựa chọn tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày hoặc hàng tuần hoặc hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển Khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Việc sử dụng tỷ giá xấp xỉ đảm bảo không làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tổng Công ty không thực hiện đánh giá lại đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

4. Các khoản phải thu

- Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.
- Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán.
- Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

5. Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với thành phẩm giá gốc bao gồm trị giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.
- Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền có phân biệt theo từng nguồn hàng nhập khẩu và nội địa; hàng tồn kho được hạch toán theo từng lần phát sinh.

6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

6.1 Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

- Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư số 30/2025/TT-BTC ngày 30/05/2025 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định hữu hình	Số năm
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
+ Máy móc và thiết bị	03 – 15
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 20
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15
+ Tài sản cố định khác	05 – 10

6.2 Tài sản cố định vô hình

- Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Tổng Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.
- TSCĐ vô hình được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm:

❖ Quyền sử dụng đất

- Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất (QSDĐ) có thời hạn và QSDĐ lâu dài.
- Nguyên giá của Quyền sử dụng đất (QSDĐ) gồm có: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất).
- Tổng Công ty chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ lâu dài thì không trích khấu hao.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

❖ Chương trình phần mềm

- Nguyên giá chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Tổng Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ vô hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định vô hình	Số năm
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 – 50
+ Chương trình phần mềm	10

7. Bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.
- Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.
- Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.
- Tổng Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tổng Công ty được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).
- BĐSĐT cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các nhóm BĐSĐT như sau:

Nhóm Bất động sản đầu tư	Số năm
+ Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn, Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Các khoản đầu tư tài chính

❖ Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn (bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ). Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

❖ Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tình hình tài chính riêng. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

❖ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

10. Các khoản chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn hoặc chi phí chờ phân bổ dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí này ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

11. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Trên Báo cáo tình hình tài chính, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

13. Chi phí phải trả

- Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau ...).
- Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được thời gian phải thanh toán, số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác.
- Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối kỳ phải được giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

14. Doanh thu chờ phân bổ

- Doanh thu chờ phân bổ là khoản tiền nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hoá, dịch vụ, tài sản cho người mua sử dụng.
- Doanh thu chờ phân bổ của Tổng Công ty được ghi nhận trong trường hợp Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản hoạt động trong nhiều năm. Doanh thu chờ phân bổ được tính và kết chuyển dần vào doanh thu của các kỳ kế toán sau.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

15. Vốn chủ sở hữu

❖ *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

❖ *Cổ phiếu mua lại của chính mình*

- Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là Cổ phiếu mua lại của chính mình (cổ phiếu quỹ) và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.
- Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn.

❖ *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

❖ *Trích lập các quỹ*

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tổng Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm,

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- d. Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

17. Các khoản chi phí

- Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.
- Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

18. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.
- Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

19. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN hiện hành.
- Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

21. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do toàn bộ hoạt động kinh doanh được thực hiện tại Việt Nam nên không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

22. Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.
- Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ kế toán được trình bày tại Khoản 2, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

ĐVT: Đồng

Ngày 30/6/2026

Ngày 01/01/2026

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền mặt tại quỹ		3.000.434.000	9.533.139.000
- Tiền gửi ngân hàng (*)		627.549.952.067	694.676.000.612
- Các khoản tương đương tiền (**)		1.347.882.880.800	1.033.505.000.000
Cộng		1.978.433.266.867	1.737.714.139.612
(*) Trong đó Tiền gửi có gốc ngoại tệ		USD 49,452.02	USD 58,612.98

(**) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	1.184.985.036.487	1.506.139.967.953
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	378.331.101.074	349.948.249.740
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	1.188.168.534	200.038.368.722
Cộng	1.564.504.306.095	2.056.126.586.415

Trong đó số dư với Bên liên quan:

+ Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	324.957.138.473	305.721.604.252
+ Công ty CP SX KD Thanh Lễ	10.638.000	-
+ Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD	5.984.440.000	9.090.320.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	5.059.695.900	5.332.485.537
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	3.606.454.635	5.045.141.809
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	1.572.488.113	537.649.407
Cộng	10.238.638.648	10.915.276.753

4. Phải thu ngắn hạn khác

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ	-	33.055.340.462
- Tạm ứng	58.648.133.288	58.752.963.528
- Công ty TNHH An Sơn BD Logistics (*)	48.900.000.000	48.900.000.000
- Công ty TNHH Công trình Đô thị BD (*)	-	6.457.028.794
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương (*)	-	7.662.907.957
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương (*)	-	3.600.629.235
- Công ty CP Xăng dầu và DV Hàng hải S.T.S (*)	24.203.700.000	15.175.930.000
- Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn KV3-Xăng dầu	-	38.533.799.847
- Các đối tượng khác	3.185.283.256	6.849.347.547
Cộng	134.937.116.544	218.987.947.370

(*) Là Bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Ngày 30/6/2026		Ngày 01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH MTV Minh Nguyệt	2.897.012.000	(2.897.012.000)	2.897.012.000	(2.897.012.000)
- DNTN Dịch vụ Thương mại Hải Long	1.446.839.586	(1.446.839.586)	1.446.839.586	(1.446.839.586)
- Công ty TNHH XD Dịch vụ Tư vấn XNK Kim Phát	1.177.940.000	(1.177.940.000)	1.177.940.000	(1.177.940.000)
- Công ty TNHH Phong Huy Vân	41.852.000	(41.852.000)	41.852.000	(41.852.000)
- Công ty TNHH MTV Vận tải Xây dựng Tấn Hoàng	170.113.583	(85.056.792)	170.113.583	(85.056.792)
Cộng	5.733.757.169	(5.648.700.378)	5.733.757.169	(5.648.700.378)

6. Hàng tồn kho

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Hàng mua đang đi đường	-	750.915.360.368
- Nguyên liệu, vật liệu	218.121.512.867	65.721.196.350
- Công cụ, dụng cụ	11.750.000	11.750.000
- Sản phẩm	690.810.300.143	478.046.035.929
- Hàng hoá	1.392.702.456.278	1.329.565.393.265
Cộng	2.301.646.019.288	2.624.259.735.912

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

7. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

Nội dung	Ngày 01/01/2026	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Ngày 30/6/2026
- Công cụ dụng cụ	1.026.254.325	652.664.371	(745.757.971)	933.160.725
Chi phí bảo hiểm, sửa chữa, chi phí khác	5.214.998.420	11.173.623.685	(6.649.935.248)	9.738.686.857
Cộng	6.241.252.745	11.826.288.056	(7.395.693.219)	10.671.847.582

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.825.295.910	11.672.140.383
- Thuế Nhà đất, tiền thuê đất	-	1.722.170.992
- Thuế bảo vệ môi trường	33.394.800	-
Cộng	6.858.690.710	13.394.311.375

9. Phải thu dài hạn khác

- Đặt cọc Hợp đồng thực hiện dự án Kho xăng dầu Cục Hậu cần QK7	20.000.000.000	20.000.000.000
- Đặt cọc Hợp đồng thuê mặt bằng	1.020.000.000	-
Cộng	21.020.000.000	20.000.000.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

10. Tài sản cố định hữu hình

Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Chỉ tiêu						
Nguyên giá						
Ngày 01/01/2026	1.145.419.328.059	210.276.585.859	215.574.291.919	7.022.597.780	1.561.351.621	1.579.854.155.238
Tăng trong kỳ	10.892.180.770	5.664.463.017	1.345.186.075	-	-	17.901.829.862
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Ngày 30/6/2026	1.156.311.508.829	215.941.048.876	216.919.477.994	7.022.597.780	1.561.351.621	1.597.755.985.100
Giá trị hao mòn						
Ngày 01/01/2026	721.887.958.137	135.778.529.430	146.217.304.768	5.212.083.488	1.342.057.285	1.010.437.933.108
Khấu hao trong kỳ	18.623.992.865	8.019.345.321	7.011.437.643	244.034.688	15.921.432	33.914.731.949
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Ngày 30/6/2026	740.511.951.002	143.797.874.751	153.228.742.411	5.456.118.176	1.357.978.717	1.044.352.665.057
Giá trị còn lại						
Ngày 01/01/2026	423.531.369.922	74.498.056.429	69.356.987.151	1.810.514.292	219.294.336	569.416.222.130
Ngày 30/6/2026	415.799.557.827	72.143.174.125	63.690.735.583	1.566.479.604	203.372.904	553.403.320.043
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng						
Ngày 01/01/2026	14.106.570.948	38.371.323.728	45.504.680.579	1.612.731.890	1.188.451.621	100.783.758.766
Ngày 30/6/2026	14.827.852.948	38.762.684.728	45.504.680.579	1.612.731.890	1.188.451.621	101.896.401.766

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

11. Tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Chỉ tiêu	[a]	[b]	
Nguyên giá			
Ngày 01/01/2026	294.514.208.399	2.806.107.000	297.320.315.399
Tăng trong kỳ	-	70.342.000	70.342.000
Ngày 30/6/2026	294.514.208.399	2.876.449.000	297.390.657.399
Giá trị hao mòn			
Ngày 01/01/2026	107.519.223.641	128.697.369	107.647.921.010
Khấu hao trong kỳ	3.423.871.032	153.211.050	3.577.082.082
Ngày 30/6/2026	110.943.094.673	281.908.419	111.225.003.092
Giá trị còn lại			
Ngày 01/01/2026	186.994.984.758	2.677.409.631	189.672.394.389
Ngày 30/6/2026	183.571.113.726	2.594.540.581	186.165.654.307

[a] Là Quyền sử dụng đất tại các cửa hàng xăng dầu, Chi nhánh và đơn vị trực thuộc Tổng Công ty.

[b] Là Phần mềm quản lý các cửa hàng bán lẻ xăng dầu và Hệ thống phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP tại văn phòng Tổng công ty.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

12. Bất động sản đầu tư

Nhóm BĐS	Quyền sử dụng đất [a]	Nhà cửa, vật kiến trúc tại CN HCM [b]	Nhà cửa, VKT tại Cao ốc Bình Dương	Tổng cộng
Chỉ tiêu				
Nguyên giá				
Ngày 01/01/2026	281.104.376.155	22.486.765.076	34.271.436.844	337.862.578.075
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 30/6/2026	281.104.376.155	22.486.765.076	34.271.436.844	337.862.578.075
Giá trị hao mòn				
Ngày 01/01/2026	26.850.367.487	8.348.765.070	10.864.851.268	46.063.983.825
Khấu hao trong kỳ	261.510.738	222.062.826	656.259.408	1.139.832.972
Ngày 30/6/2026	27.111.878.225	8.570.827.896	11.521.110.676	47.203.816.797
Giá trị còn lại				
Ngày 01/01/2026	254.254.008.668	14.138.000.006	23.406.585.576	291.798.594.250
Ngày 30/6/2026	253.992.497.930	13.915.937.180	22.750.326.168	290.658.761.278

[a] Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Số 102 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại khu Cao ốc Bình Dương;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, nay là Phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê lại đất số 025/NTC-THALEXIM ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số PL001/NTC-THALEXIM ngày 06 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty CP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (Đất thuê còn lại sau khi thanh lý, nhượng bán có thời hạn sử dụng đất đến ngày 24/10/2054).
- Quyền sử dụng đất tại Phường An Bình.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

- [b] Tòa nhà Cao ốc văn phòng tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Số 102 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

13. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Khu nhà Thương mại An Bình	19.842.941.801	19.842.941.801
- Khu nhà Thương mại Phú Thọ, Thanh Lễ	19.208.021.189	19.077.965.146
- Khu biệt thự vườn Chánh Mỹ	26.330.759.780	8.210.123.500
Cộng	65.381.722.770	47.131.030.447

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Kho xăng dầu Phú Quốc	171.384.838.969	171.384.838.969
- Cải tạo Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	45.202.956.202	42.694.396.688
- Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	47.704.055.929	47.704.055.929
- Hệ thống cửa hàng xăng dầu	3.489.000.000	8.802.182.913
- Các công trình, dự án khác	66.481.075.084	26.875.302.135
Cộng	334.261.926.184	297.460.776.634

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

15. Đầu tư vào công ty con

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị BD	43.738.905.964	43.738.905.964
- Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	15.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	24.000.000.000	24.000.000.000
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	480.000.000.000	480.000.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	45.302.676.635
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	8.188.380.782
Cộng	616.229.963.381	616.229.963.381

Giá trị khoản đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2026 như sau:

Công ty	Giá trị đầu tư của Tổng Công ty	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ lợi ích của TCT
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị BD	43.738.905.964	26.000.000.000	100,00%
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	15.000.000.000	15.000.000.000	100,00%
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	24.000.000.000	30.000.000.000	80,00%
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	480.000.000.000	800.000.000.000	60,00%
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	66.088.039.787	57,97%
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	13.500.000.000	56,84%
Cộng	616.229.963.381		

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

16. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	256.458.010.136	256.458.010.136
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	37.937.734.355	37.937.734.355
Cộng	294.395.744.491	294.395.744.491

Giá trị khoản đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2026 như sau:

Công ty	Giá trị đầu tư của Tổng Công ty	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ lợi ích của TCT
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	256.458.010.136	25.000.000	25,00%
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	37.937.734.355	3.743.327	35,02%
Cộng	294.395.744.491		

17. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

Nội dung	Ngày 01/01/2026	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Ngày 30/6/2026
- Công cụ dụng cụ	-	402.491.851	(20.854.642)	381.637.209
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	397.523.755	-	(198.761.964)	198.761.791
- Chi phí sửa chữa, chi phí khác	5.138.756.665	1.426.980.194	(1.423.455.019)	5.142.281.840
Cộng	5.536.280.420	1.829.472.045	(1.643.071.625)	5.722.680.840

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	818.569.894.257	467.638.576.538
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	7.250.848.198	1.123.293.578
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	411.500.800	796.493.713
Cộng	826.232.243.255	469.558.363.829

Trong đó số dư với Bên liên quan:

+ Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	15.252.695.111	4.225.173.559
+ Công ty CP Xăng Dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S	-	484.640.000

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	41.546.917.541	41.873.290.475
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	5.570.000.000	1.250.000.000
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	223.074.431	103.145.680
Cộng	47.339.991.972	43.226.436.155

Trong đó số dư với Bên liên quan:

+ Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	38.600.876.055	36.128.627.251
---	----------------	----------------

20. Phải trả cổ tức, lợi nhuận**146.097.935****151.363.120**

Cổ tức các năm trước còn phải trả cho cổ đông.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Ngày 01/01/2026	Phải nộp trong kỳ	Thực nộp trong kỳ	Ngày 30/6/2026
- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	27.238.291.076	68.164.971.515	(95.403.262.591)	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	38.533.799.847	228.518.719.299	(267.052.519.146)	-
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	21.808.282.583	106.345.908.573	(128.154.191.156)	-
- Thuế Xuất, Nhập khẩu	6.675.101	55.922.807.277	(55.929.482.378)	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(11.672.140.383)	13.440.522.873	(8.593.678.400)	(6.825.295.910)
- Thuế Thu nhập cá nhân	148.335.896	878.016.576	(973.680.662)	52.671.810
- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	(1.722.170.992)	12.378.910.735	(5.723.363.763)	4.933.375.980
- Thuế bảo vệ môi trường	180.463.622.723	445.367.957.142	(625.864.974.665)	(33.394.800)
- Các khoản phải nộp khác	-	135.415.084.676	(135.415.084.676)	-
Cộng	254.804.695.851	1.066.432.898.666	(1.323.110.237.437)	(1.872.642.920)
<i>Trong đó:</i>				
+ Thuế phải nộp	268.199.007.226			4.986.047.790
+ Thuế nộp thừa (Thuyết minh V.8)	(13.394.311.375)			(6.858.690.710)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- * *Không chịu thuế : Chuyển nhượng quyền sử dụng đất.*
- * *5% : Nước sinh hoạt*
- * *8% và 10% : Xăng, dầu, nhớt; đá xây dựng; cho thuê mặt bằng, dịch vụ khác...*
- * *Từ ngày 26/3/2026 đến hết ngày 30/6/2026 : xăng, dầu diesel, dầu hỏa, dầu mazut và nhiên liệu bay thuộc đối tượng Không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.*

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất áp dụng

- * *7% : Xăng E10*
- * *8% : Xăng E5*
- * *10% : các loại xăng khác (Từ ngày 26/3/2026 đến hết ngày 30/6/2026 là 0%);*
- * *20% : hoạt động kinh doanh Gôn*

Thuế Xuất, Nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan. Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu xăng dầu theo các Nghị định sau:

- Nghị định số 126/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2022-2027.
- Nghị định số 125/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2022 - 2027.
- Nghị định số 72/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

- Nghị quyết số 25/2026/NQ-CP ngày 30 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về việc kéo dài thời hạn áp dụng của Nghị định số 72/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: 20%

Thuế Bảo vệ môi trường

- Căn cứ Nghị quyết số 109/2025/UBTVQH15 ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ban hành quy định về Mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026 như sau:

- * Xăng (trừ etanol) : 2.000 đồng/lít
- * Dầu diesel : 1.000 đồng/lít
- * Từ ngày 26/3/2026 đến hết ngày 30/6/2026 : 0 đồng/lít

(thực hiện theo Quyết định 482/QĐ-TTg ngày 26/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 19/2026/QH16 ngày 12/4/2026 của Quốc Hội)

Các loại thuế khác

Tổng Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Trích trước chi phí lãi vay	-	6.212.124.530
- Trích trước phí thuê kho tại CN Hải Phòng	153.473.175	1.616.017.115
- Phí môi giới	-	413.364.184
- Chi phí khác	22.189.000	272.192.308
Cộng	175.662.175	8.513.698.137

23. Phải trả ngắn hạn khác

- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D (*)	7.000.000.000	7.000.000.000
- Phí bảo trì Cao ốc Bình Dương	1.377.880.800	1.377.880.800
- Các khoản phải trả khác	899.941.070	33.201.475
Cộng	9.277.821.870	8.411.082.275

(*) Phải trả Bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

24. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Ngày 01/01/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30/6/2026
24.1 Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Bình Dương	884.447.276.863	3.059.082.398.841	(3.727.138.843.297)	216.390.832.407
24.2 Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu VN - CN Bình Dương	100.000.000.000	-	(100.000.000.000)	-
24.3 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bình Dương	1.551.720.097.306	2.734.609.337.065	(3.153.011.892.985)	1.133.317.541.386
24.4 Ngân hàng TMCP Quốc tế VN – CN Quận 10	696.295.297.644	1.066.827.918.784	(1.283.116.764.739)	480.006.451.689
24.5 Ngân hàng TMCP Hàng hải VN (MSB) – CN TPHCM	-	299.463.270.371	(10.200.000.000)	289.263.270.371
24.6 Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - CN Sài Gòn	391.966.225.769	1.162.578.739.249	(1.222.666.125.514)	331.878.839.504
24.7 The Siam Commercial Bank Public Company Limited – CN TP Hồ Chí Minh	85.861.765.859	694.348.705.988	(517.744.361.082)	262.466.110.765
24.8 Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bình Dương	100.001.315.933	260.034.563.889	(360.035.879.822)	-
24.9 Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	195.209.453.966	359.872.361.978	(287.052.352.897)	268.029.463.047
24.10 Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (VN) - CN TP HCM	-	1.013.495.357.738	(877.493.571.114)	136.001.786.624
24.11 Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM - CN TT KD DN lớn HCM	140.421.265.177	691.116.670.395	(502.858.347.272)	328.679.588.300
24.12 Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN – Hội sở miền Nam	973.403.304.021	1.578.324.995.303	(1.547.989.431.467)	1.003.738.867.857
Cộng	5.119.326.002.538	12.919.754.319.601	(13.589.307.570.189)	4.449.772.751.950

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

24.1 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2023-HĐCVHM/NHCT640-TCT Thanh Lễ ngày 28/4/2023, Bản ghi nhớ giới hạn tín dụng ngày 28/4/2023, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2024-HĐCV-SĐBS01/NHCT640-TCT THANH LE ngày 24/5/2024, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2025-HĐCVHM-SĐBS03/NHCT640-TCT THANH LE ngày 14/02/2025, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2025-HĐCVHM-SĐBS04/NHCT640-TCT THANH LE ngày 26/8/2025, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230006/2026-HĐCVHM/NHCT640-TCTTHANHLE kí ngày 23/3/2026, cụ thể:

- Giới hạn tín dụng : 1.400.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 15/3/2027
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số máy móc thiết bị và QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

24.2 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng tín dụng số 1800LAV240115010 ngày 20/12/2024, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Đến hết ngày 19/12/2025
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng, quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, phát hành thư bảo lãnh và mở L/C phục vụ kinh doanh mặt hàng xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

24.3 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/83406/HĐTD ngày 10/9/2025 với các nội dung sau:

- Hạn mức vay : 1.500.000.000.000 Đồng gồm cả Đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/8/2026
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C, thuê chi phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Hợp đồng tín dụng số 02/2025/83406/HĐTD ngày 31/12/2025 với các nội dung sau:

- Số tiền vay : 53.191.687.446 Đồng
- Mục đích vay : Nộp thuế Nhập khẩu, TTĐB, GTGT
- Thời hạn vay : 90 ngày
- Lãi suất : 6,5%/năm
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

24.4 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Quận 10

Theo Hợp đồng tín dụng số 1046166.25 ngày 14/5/2025 và Hợp đồng tín dụng số 1035447.26 ngày 26/5/2026, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.000.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân và được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, thanh toán các loại thuế/ phí liên quan đến nhập khẩu/ kinh doanh xăng dầu, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

24.5 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh TPHCM

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 156301/2025/HĐTD ngày 11/02/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.000.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu (bao gồm thanh toán các khoản thuế liên quan đến kinh doanh xăng dầu)
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

24.6 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - Chi nhánh Sài Gòn

Theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 441/2025/0020/HĐTDHM-DN/PGBankSG ngày 27/8/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 600.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày 27/8/2025 đến ngày 27/8/2026
- Thời hạn vay : Theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh xăng dầu, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán L/C phục vụ cho hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

24.7 Vay ngắn hạn Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HDTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 30/11/2022; Thư gia hạn ngày 30/11/2023; Hợp đồng sửa đổi lần thứ nhất của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HDTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 23/10/2023; Thư gia hạn ngày 29/11/2024 và Thư gia hạn ngày 28/11/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 12.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 28/11/2026
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại Thông báo rút vốn
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

24.8 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 307/2025/HDTD/BDG ngày 17/12/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 369.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu, mở L/C
- Thời hạn vay : Không quá 6 tháng và được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

24.9 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sài Gòn

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số 351878.25.120.969666.TD ngày 20/11/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 05/11/2026
- Mục đích vay : Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

24.10 Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh TP HCM

Theo Hợp đồng tín dụng số UOB/HCMC/CB-1422 ngày 12/6/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 20.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : 01 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần cho các kỳ kế tiếp và mỗi lần gia hạn là 01 năm trừ khi có thông báo khác bằng văn bản của Ngân hàng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

24.11 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM – Chi nhánh Trung tâm Kinh doanh Doanh nghiệp lớn HCM

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12217/25MN/HĐTD ngày 27/6/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 500.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

24.12 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Hội sở miền Nam

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số CIB20242271846/HĐCTD ngày 24/10/2024 và các Phụ lục số CIB20242271846/HĐCTD/PL01 ngày 27/6/2025, Phụ lục số CIB20242271846/HĐCTD/PL02 ngày 27/6/2026, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.200.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng (từ ngày 27/6/2025 đến hết ngày 27/7/2026)
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Được quy định cụ thể tại Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

25. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

Chỉ tiêu	Ngày 01/01/2026	Chi trong kỳ	Ngày 30/6/2026
- Quỹ khen thưởng	3.685.141.441	-	3.685.141.441
- Quỹ phúc lợi	249.562.361	(10.000.000)	239.562.361
- Quỹ khen thưởng, thù lao Ban Điều hành	1.017.473.511	-	1.017.473.511
Cộng	4.952.177.313	(10.000.000)	4.942.177.313

26. Quỹ bình ổn giá

Tình hình biến động Quỹ bình ổn giá trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	QBOG_Nguồn TCT quản lý	QBOG_Nguồn Tạm ứng từ NSNN	Cộng
- Số dư QBOG đầu kỳ	391.640.628.617	-	391.640.628.617
- Phát sinh trong kỳ	(162.489.820.711)	163.490.629.624	1.000.808.913
+ Nhận tạm ứng từ NSNN	-	59.360.554.680	59.360.554.680
+ Trích lập trong kỳ	-	106.160.181.449	106.160.181.449
+ Sử dụng trong kỳ	(162.786.889.645)	(2.067.709.325)	(164.854.598.970)
+ Lãi phát sinh trong kỳ	297.068.934	37.602.820	334.671.754
- Số dư QBOG cuối kỳ	229.150.807.906	163.490.629.624	392.641.437.530

Chi tiết số dư Quỹ bình ổn giá cuối kỳ:

Chỉ tiêu	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Quỹ bình ổn giá	384.994.351.395	384.328.214.236
- Lãi quỹ bình ổn giá	7.647.086.135	7.312.414.381
Cộng	392.641.437.530	391.640.628.617

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
27. Phải trả người bán dài hạn	22.024.200.000	22.024.200.000
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân.		
28. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn		
Tiền thuê dài hạn nhận trước của hoạt động cho thuê hạ tầng KCN và văn phòng làm việc:		
	Từ 01/01/2026	Từ 01/01/2025
	đến 30/6/2026	đến 30/6/2025
- Số đầu kỳ	219.352.501.016	231.504.745.859
- Nhận trước tiền thuê trong kỳ	13.435.254.156	-
- Doanh thu thực hiện trong kỳ	(6.194.498.766)	(6.076.122.504)
- Số cuối kỳ	226.593.256.406	225.428.623.355
29. Phải trả dài hạn khác		
Tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:		
	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Công ty TNHH ScanCom Việt Nam	5.327.098.920	5.327.098.920
- Công ty TNHH Dong-A Vina	4.020.329.586	4.020.329.586
- Công ty CP Dầu nhờn S.T.S	2.303.083.280	2.303.083.280
- Công ty CP Vaccine Việt Nam - CN Bình Dương	1.200.000.000	1.200.000.000
- Công ty TNHH ELTETE (Việt Nam)	-	1.180.769.327
- Công ty TNHH Interchina Management Việt Nam	1.192.472.518	1.192.472.518
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D (*)	540.000.000	-
- Các đối tượng khác	4.727.358.003	5.187.900.423
Cộng	19.310.342.307	20.411.654.054
(*) Phải trả Bên liên quan.		

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

30. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Ngân hàng	Ngày 01/01/2026	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Ngày 30/6/2026
30.1 Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	5.300.000.000	-	(2.650.000.000)	2.650.000.000
30.2 Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương	18.504.783.000	-	(1.657.140.000)	16.847.643.000
Cộng	23.804.783.000	-	(4.307.140.000)	19.497.643.000

30.1 Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

Theo Hợp đồng cho vay số 567/2021/HĐCV ngày 05/7/2021 với các điều khoản sau:

- Số tiền vay : **53.000.000.000 Đồng**
- Thời hạn vay : 60 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Đầu tư các cửa hàng xăng dầu tại Bình Phước
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- Dư nợ 30/6/2026 : **2.650.000.000 Đồng**

*Trong đó nợ đến hạn : 2.650.000.000 Đồng**trong vòng 12 tháng*

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

30.2 Vay dài hạn Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương

Theo Hợp đồng tín dụng số 02/2024/HĐTD ngày 15/5/2024 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 16-2025/HĐSĐBS-QBVMТ ngày 24/12/2025 với các điều khoản sau:

- Số tiền vay : **23.079.393.000 Đồng**
- Thời hạn vay : 84 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản vay đầu tiên
- Mục đích vay : Đầu tư cải tạo Nhà máy Xử lý nước thải Sóng Thần 1, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
- Lãi suất cho vay : 3%/năm cố định trong suốt thời hạn vay vốn
- Tài sản đảm bảo : Bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương
- Dư nợ 30/6/2026 : **16.847.643.000 Đồng**
- Trong đó nợ đến hạn : 3.314.280.000 Đồng*
trong vòng 12 tháng

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

31. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
A Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025				
31.1 Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
31.2 Cổ phiếu mua lại của chính mình	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
31.3 Quỹ đầu tư phát triển	30.017.044.517	4.913.521.922	-	34.930.566.439
31.4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	49.205.767.667	10.393.167.583	(13.413.914.847)	46.185.020.403
Cộng	2.444.979.012.184	15.306.689.505	(13.413.914.847)	2.446.871.786.842
B Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026				
31.1 Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
31.2 Cổ phiếu mua lại của chính mình	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
31.3 Quỹ đầu tư phát triển	34.930.566.439	-	-	34.930.566.439
31.4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(12.398.007.069)	53.762.091.492	-	41.364.084.423
Cộng	2.388.288.759.370	53.762.091.492	-	2.442.050.850.862

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

31.1 Vốn góp của chủ sở hữu

- Mệnh giá cổ phiếu	10.000	Đồng/Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	(20.100)	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	236.579.900	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	236.579.900	Cổ phiếu

Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

Cổ đông	Ngày 30/6/2026 (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)	Ngày 01/01/2026 (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là UBND Thành phố Hồ Chí Minh)	85.176.000	36,00%	85.176.000	36,00%
- Các cổ đông khác	151.424.000	64,00%	151.424.000	64,00%
Cộng	236.600.000	100,00%	236.600.000	100,00%

31.2 Cổ phiếu mua lại của chính mình

Tổng Công ty đã mua lại 20.100 cổ phiếu theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/2019/NQ-HĐQT ngày 06/5/2019. Thời gian mua lại cổ phiếu quỹ từ ngày 24/6/2019 đến 22/7/2019.

31.3 Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

31.4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (CPP)

	Từ 01/01/2025	Từ 01/01/2025
	đến 30/6/2025	đến 30/6/2025
- Số đầu kỳ	(12.398.007.069)	49.205.767.667
- Phân phối lợi nhuận của năm trước	-	(13.413.914.847)
+ Quỹ đầu tư phát triển	-	(4.913.521.922)
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(7.370.282.883)
+ Quỹ Khen thưởng, Thù lao Ban Điều hành	-	(1.130.110.042)
- Lợi nhuận CPP năm trước chuyển kỳ này	(12.398.007.069)	35.791.852.820
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này	53.762.091.492	10.393.167.583
- Lợi nhuận CPP lũy kế chuyển kỳ sau	41.364.084.423	46.185.020.403

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

	ĐVT: Đồng	
	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
32. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	12.143.987.904.991	9.646.814.303.049
- Doanh thu bán sản phẩm	2.031.246.384.915	417.127.685.121
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.079.433.050	32.045.776.844
- Doanh thu cho thuê, chuyển nhượng BĐS	177.179.837.736	42.983.761.721
Cộng	14.389.493.560.692	10.138.971.526.735
33. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.717.173.853.130	9.329.760.579.278
- Giá vốn của sản phẩm đã bán	2.030.563.899.185	432.069.161.413
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.629.075.438	10.376.284.665
- Giá vốn cho thuê, chuyển nhượng BĐS	193.361.036.324	17.129.969.130
Cộng	13.950.727.864.077	9.789.335.994.486
34. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.870.223.635	10.374.594.361
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.491.992.400	3.743.327.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	8.146.819.196	11.291.054.572
- Chiết khấu thanh toán	-	118.810.010
Cộng	28.509.035.231	25.527.785.943

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

35. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2026	Từ 01/01/2025
	đến 30/6/2026	đến 30/6/2025
- Chi phí lãi vay	152.938.296.967	108.908.187.551
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.665.960.783	35.560.071.167
Cộng	167.604.257.750	144.468.258.718

36. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên bán hàng	49.183.085.445	43.784.908.442
- Chi phí vật liệu, bao bì	881.563.345	663.024.447
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	604.035.647	711.259.377
- Chi phí khấu hao TSCĐ	19.777.605.550	19.983.910.612
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.009.248.909	32.027.629.325
- Chi phí bằng tiền khác	89.066.479.615	47.423.044.849
Cộng	193.522.018.511	144.593.777.052

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	19.644.164.003	16.657.594.195
- Chi phí vật liệu quản lý	495.940.202	347.862.374
- Chi phí đồ dùng văn phòng	114.684.242	720.085.839
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.846.233.477	2.897.418.052
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.117.945.851	43.495.341.655
- Chi phí bằng tiền khác	11.764.324.981	10.111.081.019
Cộng	40.983.292.756	74.229.383.134

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

38. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2026	Từ 01/01/2025
	đến 30/6/2026	đến 30/6/2025
- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	-	853.872.053
- Thu tiền điện, nước khách thuê; hoa hồng	1.153.703.616	920.009.444
- Thu nhập khác	1.926.937.472	160.107.083
Cộng	3.080.641.088	1.933.988.580

39. Chi phí khác

- Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	2.396.510.039
- Chi trả tiền điện, nước khách thuê	960.033.907	737.212.214
- Chi phí khác	83.155.645	278.998.032
Cộng	1.043.189.552	3.412.720.285

40. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.202.614.365	10.393.167.583
- Trừ Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(3.743.327.000)
- Chuyển lỗ của các năm trước	-	(6.649.840.583)
- Tổng Thu nhập tính thuế	67.202.614.365	-
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.440.522.873	-

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

41. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2026	Từ 01/01/2025
	đến 30/6/2026	đến 30/6/2025
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.502.249.090.300	413.603.151.151
- Chi phí nhân công	68.827.249.448	60.442.502.637
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.678.887.201	38.921.145.131
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.963.708.439	96.175.335.888
- Chi phí khác bằng tiền	94.775.953.939	58.965.471.084
Cộng	2.781.494.889.327	668.107.605.891

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin so sánh**

Số dư đầu kỳ của một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính đã được Tổng Công ty trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số dư 31/12/2025	Trình bày lại	Số dư 01/01/2026
313	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	151.363.120	151.363.120
320	Phải trả ngắn hạn khác	8.562.445.395	(151.363.120)	8.411.082.275

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

2. Thông tin về các Bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	Công ty con
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	Công ty con
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Công ty con
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty CP Xăng dầu và DV Hàng hải S.T.S	Công ty có cùng thành viên HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ trước
- Thu nhập từ tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	2.587.115.387	1.850.807.693

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

➤ Các giao dịch với các Công ty con, Công ty liên kết và các bên liên quan**❖ Nợ phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Bên liên quan	Ngày 01/01/2026	Phải thu trong kỳ	Đã thu / giảm trong kỳ	Ngày 30/6/2026
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	305.721.604.252	1.391.356.812.212	1.372.121.277.991	324.957.138.473
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	(36.128.627.251)	17.531.742.196	20.003.991.000	(38.600.876.055)
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	-	71.292.850	60.654.850	10.638.000
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	-	1.810.662.353	1.810.662.353	-
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	-	793.970.000	793.970.000	-
- Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương	-	4.537.000	4.537.000	-
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	9.090.320.000	146.915.320.000	150.021.200.000	5.984.440.000
- Công ty CP Xăng dầu và DV Hàng hải S.T.S	-	28.382.496.421	28.382.496.421	-
Cộng	278.683.297.001	1.586.866.833.032	1.573.198.789.615	292.351.340.418

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

❖ *Nợ phải thu cổ tức, lãi, cho vay và phải thu khác*

Bên liên quan	Ngày 01/01/2026	Phải thu trong kỳ	Đã thu / giảm trong kỳ	Ngày 30/6/2026
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	7.662.907.957	133.074.480	7.795.982.437	-
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	3.600.629.235	2.711.971.900.000	2.715.572.529.235	-
- Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương	6.457.028.794	-	6.457.028.794	-
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	-	19.250.400	19.250.400	-
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	48.900.000.000	-	-	48.900.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và DV Hàng hải S.T.S	15.175.930.000	181.050.920.000	172.023.150.000	24.203.700.000
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	-	4.491.992.400	4.491.992.400	-
Cộng	81.796.495.986	2.897.667.137.280	2.906.359.933.266	73.103.700.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

❖ *Nợ phải trả mua hàng hóa, dịch vụ và phải trả khác*

Bên liên quan	Ngày 01/01/2026	Phải trả trong kỳ	Đã trả / giảm trong kỳ	Ngày 30/6/2026
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	4.225.173.559	63.712.724.472	52.685.202.920	15.252.695.111
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	-	34.898.000	34.898.000	-
- Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	7.000.000.000	540.000.000	-	7.540.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và DV Hàng hải S.T.S	484.640.000	15.734.260.000	16.218.900.000	-
Cộng	11.709.813.559	80.021.882.472	68.939.000.920	22.792.695.111

3. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có tài sản tiềm tàng và nợ tiềm tàng có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

4. Thông tin về báo cáo bộ phận❖ *Theo khu vực địa lý*

Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

❖ *Theo lĩnh vực kinh doanh*

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh Kỳ này

Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	14.175.035.185.282	177.179.837.736	37.278.537.674	14.389.493.560.692
- Giá vốn hàng bán	(13.747.592.939.982)	(193.361.036.324)	(9.773.887.771)	(13.950.727.864.077)
- Lợi nhuận gộp	427.442.245.300	(16.181.198.588)	27.504.649.903	438.765.696.615
- Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	28.509.035.231	28.509.035.231
- Chi phí tài chính	(141.416.941.479)	(1.767.630.939)	(24.419.685.332)	(167.604.257.750)
- Chi phí bán hàng	(164.573.229.028)	(8.640.998.488)	(20.307.790.995)	(193.522.018.511)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(40.363.843.792)	(504.524.976)	(114.923.988)	(40.983.292.756)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	81.088.231.001	(27.094.352.991)	11.171.284.819	65.165.162.829
- Thu nhập khác	-	-	3.080.641.088	3.080.641.088
- Chi phí khác	-	-	(1.043.189.552)	(1.043.189.552)
- Lợi nhuận khác	-	-	2.037.451.536	2.037.451.536
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	81.088.231.001	(27.094.352.991)	13.208.736.355	67.202.614.365
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	(10.798.775.602)	-	(2.641.747.271)	(13.440.522.873)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	70.289.455.399	(27.094.352.991)	10.566.989.084	53.762.091.492

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh **Kỳ trước**

Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	10.063.632.024.976	42.983.761.721	32.355.740.038	10.138.971.526.735
- Giá vốn hàng bán	(9.761.603.376.474)	(17.129.969.130)	(10.602.648.882)	(9.789.335.994.486)
- Lợi nhuận gộp	302.028.648.502	25.853.792.591	21.753.091.156	349.635.532.249
- Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	25.527.785.943	25.527.785.943
- Chi phí tài chính	(105.311.397.070)	(8.999.199.107)	(30.157.662.541)	(144.468.258.718)
- Chi phí bán hàng	(126.032.635.504)	(10.350.997.181)	(8.210.144.367)	(144.593.777.052)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(63.655.681.386)	(5.506.913.224)	(5.066.788.524)	(74.229.383.134)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	7.028.934.542	996.683.079	3.846.281.667	11.871.899.288
- Thu nhập khác	-	-	1.933.988.580	1.933.988.580
- Chi phí khác	-	-	(3.412.720.285)	(3.412.720.285)
- Lợi nhuận khác	-	-	(1.478.731.705)	(1.478.731.705)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.028.934.542	996.683.079	2.367.549.962	10.393.167.583
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.028.934.542	996.683.079	2.367.549.962	10.393.167.583

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

5. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

6. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Một số các văn bản luật có liên quan được ban hành và có hiệu lực ngay trong năm 2026 như sau:

- Nghị định số 245/2026/NĐ-CP ngày 27/06/2026 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2026. **Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành đến hết ngày 30 tháng 12 năm 2026.**
- Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế số 108/2025/QH15 về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Nghị định số 255/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành các Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 của Chính Phủ sẽ hết hiệu lực. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12/03/2026 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15. Thông tư này thay thế Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. **Thông tư có hiệu lực từ ngày 12 tháng 3 năm 2026 và áp dụng kể từ kỳ tính thuế năm 2025.**
- Thông tư số 87/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 253/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

- Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế, thay thế Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. **Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 254/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Thông tư số 94/2026/TT-BTC ngày 01/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quy định về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế (Thu thập, xử lý, quản lý, sử dụng thông tin liên quan đến người nộp thuế phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế). Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
- Thông tư số 95/2026/TT-BTC ngày 01/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ có hiệu lực thi hành tại Việt Nam; hướng dẫn thực hiện thủ tục thỏa thuận song phương; hướng dẫn áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Thông tư này thay thế Thông tư 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013; Thông tư 45/2021/TT-BTC ngày 18/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. **Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Trần Ngọc Đan Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Băng Trang